

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

V/v: Kết quả kinh doanh năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Logistics Hàng không

Tổng Giám đốc xin báo cáo ĐHCĐ kết quả kinh doanh năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

1. Tổng quan về tình hình thị trường

1.1. Khó khăn

Nhận định chung, năm 2023, tình hình kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn:

- Xung đột chính trị, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, sức mua giảm.
- Trong nước, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam suy giảm mạnh 3 quý liên tiếp từ quý 4/2022 đến quý 2/2023.
- Đối với thị trường vận tải hàng hóa hàng không của Việt Nam, năm 2023 đạt 1,1 triệu tấn, giảm 9,3% so 2022, riêng sản lượng hàng hóa quốc tế tại khu vực phía Bắc giảm khoảng 15,5%.
- Ngoài ra, các doanh nghiệp vẫn tiếp tục đối mặt với các khó khăn khác như thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu, chi phí đầu vào tăng cao.

1.2. Thuận lợi

Toàn cảnh thị trường vẫn có những điểm sáng nhất định:

- GDP Việt Nam năm 2023 đạt mức tăng trưởng 5,05%, mức tăng trưởng này là mức tăng khá so với các nước trong khu vực và trong bối cảnh suy thoái của kinh tế thế giới.
- Tiếp theo là thu hút FDI, tổng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam đạt gần 36,61 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ. Vốn giải ngân đạt kỷ lục từ trước tới nay.
- Từ quý 4 năm 2023, thị trường cũng đã qua giai đoạn khó khăn nhất và có xu hướng phục hồi. Xuất nhập khẩu đã thu hẹp mức giảm, sản xuất công nghiệp dần hồi phục.
- Tốc độ tăng trưởng ngành logistics bình quân 14% - 16%/năm, quy mô 40 - 42 tỉ USD/năm. Doanh thu thương mại điện tử (TMĐT) Việt Nam ước tính trong năm 2023 đạt 20,5 tỷ USD tăng khoảng 25% so với năm 2022, tạo động lực cho sự phát triển của ngành logistics.

2. Kết quả kinh doanh 2023

2.1. Kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2023 | | | |
|-----------------------|----------------|-------------|---------------|----------------|-------------|-----------------|
| | | | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | Tỷ lệ TH/KH | So cùng kỳ 2022 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)/(4) | (7) |
| ALS - HỢP NHẤT | | | | | | |
| 1 | TỔNG DOANH THU | 1000 đ | 1.490.450.265 | 1.436.212.143 | 96% | 90% |
| 2 | TỔNG CHI PHÍ | 1000 đ | 1.078.963.498 | 979.804.058 | 91% | 94% |
| 3 | LNTT | 1000 đ | 411.486.767 | 456.408.085 | 111% | 82% |
| 4 | LNST | 1000 đ | 367.432.259 | 405.018.539 | 110% | 82% |
| ALS RIÊNG | | | | | | |
| 1 | TỔNG DOANH THU | 1000 đ | 289.272.789 | 298.562.680 | 103% | 78% |
| 2 | TỔNG CHI PHÍ | 1000 đ | 89.842.428 | 91.303.636 | 102% | 89% |
| 3 | LNTT | 1000 đ | 199.430.361 | 207.259.044 | 104% | 74% |
| 4 | LNST | 1000 đ | 199.430.361 | 204.020.355 | 102% | 73% |
| 5 | VỐN ĐIỀU LỆ | 1000 đ | 1.102.724.546 | 1.102.723.680 | 100% | 110% |

(Số liệu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán quốc tế)

| Chỉ tiêu tài chính | BCTC hợp nhất | |
|---|---------------|----------|
| | Năm 2022 | Năm 2023 |
| 1. Khả năng thanh toán | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) | 6,59 | 5,72 |
| Hệ số thanh toán nhanh (tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn) | 6,42 | 5,72 |
| 2. Cơ cấu vốn | | |
| Hệ số nợ/tổng tài sản | 0,08 | 0,10 |

| Chỉ tiêu tài chính | BCTC hợp nhất | |
|---|---------------|----------|
| | Năm 2022 | Năm 2023 |
| Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu | 0,08 | 0,11 |
| 3. Năng lực hoạt động | | |
| Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân | 0,58 | 0,50 |
| 4. Khả năng sinh lời | | |
| Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động KD/doanh thu thuần | 0,32 | 0,28 |
| Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân | 0,21 | 0,16 |
| Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân | 0,19 | 0,15 |

- Các chỉ số về khả năng thanh toán trong báo cáo hợp nhất của công ty giảm so với cùng kỳ tuy nhiên vẫn ở mức cao, đảm bảo an toàn tài chính.
- Các chỉ số khả năng sinh lời giảm so với cùng kỳ do năm 2022 do tình hình kinh doanh chịu ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế, sức mua giảm mạnh ở các thị trường Châu Âu, Châu Mỹ.

2.2. Tình hình thực hiện hoạt động đầu tư

Tổng hợp giá trị đầu tư của ALS tính tới 31/12/2023:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2023 | Thực hiện (đến 31/12/2023) | Tỷ lệ TH/KH |
|-----|-------------------|---------------|--------------------|----------------------------|-------------|
| 1 | Đầu tư góp vốn | 1000 đ | - | - | 0% |
| 2 | M&A | 1000 đ | 17.000.000 | 20.000.000 | 118% |
| 3 | Dự án chuyển tiếp | 1000 đ | 70.239.632 | 5.796.066 | 8% |
| 4 | Dự án mới | 1000 đ | 640.000.000 | - | 0% |
| 5 | Đầu tư tài sản | 1000 đ | - | - | 0% |
| | Tổng | 1000 đ | 727.239.632 | 25.796.066 | 3,5% |

- Năm 2023, hoàn thành mua Công ty TNHH Giải pháp TNG. Từ ngày 01/8/2023, ALS sở hữu 100% vốn tại TNG.
- Công ty thực hiện đầu tư các hạng mục thiết yếu cho hoạt động SXKD, các hạng mục của dự án khu 4.3ha để hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ và Khang trang.
- Dự án mới: Sau khi nghiên cứu đầu tư, tính pháp lý dự án mới chưa chặt chẽ, tiềm ẩn rủi ro nên HĐQT tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác.

2.3. Tình hình thực hiện công tác quản trị nguồn nhân lực

Áp dụng công cụ quản trị văn phòng E-Office. Sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định đáp ứng yêu cầu quản trị và điều hành (quy chế quản lý điều hành, quy định quản lý vốn,...).

2.4. Tình hình phát triển CNTT

Thực hiện triển khai các dự án CNTT theo đúng tinh thần nghị quyết của HĐQT. Nghiên cứu triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ kinh doanh khai thác và công tác quản trị doanh nghiệp. Quản lý khai thác hệ thống dữ liệu và hệ thống báo cáo BI. Đảm bảo an ninh, an toàn bảo mật cơ sở dữ liệu.

2.5. Truyền thông nội bộ và văn hóa doanh nghiệp

Triển khai đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, sự kiện nội bộ (hoạt động thể thao, du lịch, ngày truyền thống, giải chạy offline 2023). Các hoạt động tự nguyện được thực hiện tích cực đều đặn góp phần vì mục đích chung của địa bàn và thành phố.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

1. Tổng quan về tình hình thị trường

1.1 Thuận lợi

- GDP của Việt Nam dự báo sẽ tăng trưởng 5,8% trong 2024 (IMF dự báo), nằm trong nhóm 20 nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới.
- Sản lượng vận chuyển hàng hóa hàng không quốc tế của tại Việt Nam dự báo tăng vào khoảng 3,6% so với 2023, khu vực Nội Bài tăng khoảng 6%.
- Logistics tiếp tục là một trong những ngành tăng trưởng nhanh và ổn định nhất của Việt Nam, với tốc độ bình quân 14-16%/năm.
- Việt Nam tiếp tục duy trì thu hút dòng vốn FDI. Hàng loạt nhà máy gia công sản phẩm cho Apple của Foxconn, Luxshare,... tại miền Bắc Việt Nam đi vào hoạt động từ quý 2/2024. Bất động sản công nghiệp và logistics phụ trợ sẽ có nhiều cơ hội phát triển.

1.2 Khó khăn

- Chính trị thế giới bất ổn.
- Lạm phát toàn cầu vẫn được dự báo ở mức cao 5,8%. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại (theo OECD), chỉ ở mức 2,7%.
- Ba trong số năm nước đối tác thương mại lớn của Việt Nam có xu hướng tăng trưởng giảm là Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản.

2. Định hướng nhiệm vụ giải pháp sản xuất kinh doanh 2024

2.1. Đối với các lĩnh vực kinh doanh

- **Phát triển và tối ưu hạ tầng/dịch vụ tại các Gateway:** Tối ưu và nâng cao hiệu quả khai thác/vận hành tại nhà ga hàng hóa; Đầu tư phát triển khu 6.9ha; Phát triển sản phẩm phụ trợ Nhà ga kết nối với các dịch vụ của Ga hàng không kéo dài và build-up ULD cho các đơn vị Forwarder/3PLs, phục vụ charter; Phát triển hạ tầng khu Khang Việt Hà (Lạng Sơn), kết nối sản phẩm dịch vụ ALS với hạ tầng khu vực cửa khẩu; Tìm kiếm cơ hội đầu tư khu logistics gateway đường bộ tại khu vực Móng Cái.

- **Phát triển hạ tầng phụ trợ logistics:** Phát triển hạ tầng phụ trợ logistics nhằm khai thác thế mạnh của gateway phục vụ hàng hóa đường hàng không, đường bộ, TMĐT. Phát triển mạng lưới hạ tầng logistics (tối thiểu từ 5ha) tại các vị trí chiến lược nhằm đưa ra giải pháp hạ tầng logistics tích hợp để đáp ứng đồng thời cho nhu cầu phát triển của các dịch vụ phức hợp; Triển khai build-up ULD đối với hàng CPN/TMĐT. Đây là lĩnh vực ưu tiên phát triển để mở rộng các dịch vụ của ALS và đón được cơ hội tăng trưởng logistics tại Việt Nam.
- **Phát triển dịch vụ vận tải:** Phát triển vận tải xuyên biên giới, tuyến hàng gom/trả KCN - Cửa Khẩu.
- **Nghiên cứu phát triển dịch vụ mới:** Hỗ trợ phát triển 3PLs, Forwarder thông qua các công ty liên kết trong hệ thống như ALSDS, ALAC. Nghiên cứu phát triển các dịch vụ kho phân phối được phẩm, sàn cước tải.
- **Đầu tư bất động sản công nghiệp:** Phát triển dự án CCN Ngô Quyền. Định hướng tập trung các khu logistics để phù hợp với tiềm năng tài chính và khai thác được kinh nghiệm logistics của hệ thống.

2.2. Đối với lĩnh vực Công nghệ thông tin

- Thực thi chiến lược sử dụng CNTT trở thành đòn bẩy cho sự phát triển và năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống ALS.
- Đẩy mạnh tuyên truyền và đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số.
- Tận dụng nguồn lực phát triển hệ thống CNTT liên kết các sản phẩm dịch vụ trong hệ thống đưa ra giải pháp toàn diện theo chuỗi giá trị gia tăng của vận chuyển hàng hóa.

2.3. Đối với công tác quản trị, nhân sự

- Hoàn thành triển khai và khai thác thế mạnh của hệ thống ERP – BI, phần mềm E – Office.
- Thúc đẩy việc học tập, đào tạo, đặc biệt từ bên trong hệ thống thông qua chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm giữa các ALS, tạo môi trường cởi mở và gắn kết chung.

2.4. Đối với công tác tài chính, đầu tư

- Chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư theo định hướng phục vụ hoạt động logistics, xây dựng và sử dụng các công cụ, đòn bẩy tài chính hiệu quả để phục vụ cho nhu cầu đầu tư, phát triển SXKD của toàn hệ thống.
- Triển khai và phối hợp triển khai tốc độ các dự án đầu tư hiện hữu, giám sát hiệu quả chi phí đầu tư dự án.

2.5. Hoạt động marketing và phát triển thương hiệu

Tiếp tục duy trì hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ tới các khách hàng tiềm năng trên thị trường và đang quan tâm tới thị trường.

2.6. Hoạt động kiểm soát nội bộ

Xây dựng quy chế, quy định và triển khai hoạt động KSNB tại công ty ALS và các công ty con.

STI -
TY
ÁN
TCS
HÔNG
T.P.H

3. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

Đơn vị tính: 1.000 đ

| STT | Chỉ tiêu | Chỉ tiêu ALS riêng | | Tỷ lệ (%) | Chỉ tiêu hợp nhất | | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------------|--------------------|---------------|-----------|-------------------|---------------|-----------|
| | | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | |
| 1 | Tổng doanh thu | 298.562.680 | 286.648.772 | 96% | 1.436.212.143 | 1.460.315.958 | 102% |
| 2 | Tổng chi phí | 91.303.636 | 88.659.238 | 97% | 979.804.058 | 1.042.313.475 | 106% |
| 3 | LNTT | 207.259.044 | 197.989.534 | 96% | 456.408.085 | 418.002.483 | 92% |
| 4 | LNST | 204.020.355 | 197.989.534 | 97% | 405.018.539 | 374.738.763 | 93% |
| 5 | Vốn điều lệ | 1.102.723.680 | 1.102.724.546 | 100% | 1.102.723.680 | 1.102.724.546 | 100% |
| 6 | Tỷ lệ chi trả cổ tức | 15% | $\geq 15\%$ | | | | |
| 7 | Ngân sách đầu tư | 25.796.006 | 359.160.000 | 1392% | | | |

Trên đây là Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Kính trình đại hội xem xét thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;


TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Vĩnh Hùng